

Số: 14A/2021/QĐST-DS

B, ngày 27 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 64/2021/TLST- DS ngày 07 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa Tận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt

Địa chỉ: Tòa nhà ThaiHolding, số 210 Trần Quang Khải, quận HK, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng và ông Nguyễn Thế M, chức vụ: Phó Trưởng phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt chi nhánh B.

* Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đông, xã Tân Thanh, huyện L, tỉnh B.

2. Sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Phạm Thị T có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số 300.1330/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/2016/KU-LPB-TPT ngày 22/09/2016; Hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018322 và Khế ước nhận nợ số 3002018322/01 ngày 18/04/2018; Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số HĐTD3002018687 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 16/07/2021 là 96.241.346 đồng (trong đó: Nợ gốc là 73.327.970 đồng. Nợ lãi là 22.913.376 đồng) theo các kỳ cụ thể sau:

+ Vào ngày 15 tháng hàng tháng kể từ tháng 8/2021 đến tháng 9/2022, chị T trả Ngân hàng 5.000.000 đồng tiền gốc.

+ Ngày 15/10/2022, chị T trả Ngân hàng 3.327.970 đồng tiền gốc và 1.672.030 tiền lãi.

+ Ngày 15/11/2022, chị T trả Ngân hàng 21.241.346 đồng tiền lãi và toàn bộ lãi phát lãi quá hạn phát sinh từ sau ngày 17/07/2021 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

2.2. Nếu chị T vi phạm bất cứ kỳ thanh toán nào thì Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án buộc chị T phải trả toàn bộ dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 300.1330/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/2016/KU-LPB-TPT ngày 22/09/2016; Hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018322 và Khế ước nhận nợ số 3002018322/01 ngày 18/04/2018; Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số HĐTD3002018687.

2.3. Kể từ ngày 17/07/2021, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa Tận trong Hợp đồng tín dụng số 300.1330/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/2016/KU-LPB-TPT ngày 22/09/2016; Hợp đồng tín dụng số HĐTD3002018322 và Khế ước nhận nợ số 3002018322/01 ngày 18/04/2018; Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số HĐTD3002018687. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa Tận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Về án phí:

- Chị Phạm Thị T chịu 1.203.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt chịu 1.203.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.448.500 đồng theo biên lai số 00001015 ngày 07/4/2021 và biên lai số AA/2018/0002102 ngày 11/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt số tiền 1.245.500 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Chi Cục THADS TP. B;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phương Thảo